| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 – HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 59/2026/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Huế, ngày 10 tháng 02 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trần Đình V, sinh năm: 1991; địa chỉ: 1/20 B, phường H1, thành phố H2.

2. Chị Lê Thị L, sinh năm: 1992; địa chỉ: 1/20 B, phường H1, thành phố H2.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình V và chị Lê Thị L sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường Hóa Châu, thành phố Huế) ngày 07 tháng 6 năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh chị đã tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay anh Trần Đình V và chị Lê Thị L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn đã trầm trọng, nên anh V và chị L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để mỗi người tự lựa chọn cuộc sống riêng cho mình.

2. Về con chung: Anh Trần Đình V và chị Lê Thị L có 02 (hai) con chung là Trần Bảo A, sinh ngày 26/7/2017 và Trần Đình Thiên Â, sinh ngày

26/11/2022. Hai bên thỏa thuận chị Lê Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đình Thiên Â, anh Trần Đình V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Bảo A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Đình V và chị Lê Thị L không ai yêu cầu ai cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Đình V và chị Lê Thị L xác nhận không có.

4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Anh Trần Đình V và chị Lê Thị L xác nhận không có.

5. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Trần Đình V và chị Lê Thị L chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Trần Đình V và chị Lê Thị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000262 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trần Đình V và chị Lê Thị L đã nộp đủ tiền lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đình V và Lê Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Trần Bảo A, sinh ngày 26/7/2017 cho anh Trần Đình V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 (mười tám) tuổi và giao cháu Trần Đình Thiên Â, sinh ngày 26/11/2022 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Â đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Đình V và chị Lê Thị L không ai yêu cầu ai cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trần Đình V và chị Lê Thị L xác nhận không có.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Anh Trần Đình V và chị Lê Thị L xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Trần Đình V và chị Lê Thị L chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Trần Đình V và chị Lê Thị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn

đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000262 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trần Đình V và chị Lê Thị L đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 2 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 2 – Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ;
- Lưu dán.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thu Hằng**